TRƯƠNG TUẤN ANH

Digitally signed by TRƯƠNG TUẤN ANH
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Cầu Giấy, OU=CÔNG TY CỔ PHẦN PIV, CN=TRƯƠNG TUẤN ANH, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=CMND: 012062482
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2020-04-20 19:45:05
Foxit Reader Version: 9.7.1

CÔNG TY CỔ PHẦN PIV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tháng 03 năm 2020

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần PIV trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần PIV là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0102636059 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 01 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 25 tháng 12 năm 2018.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PIV JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt là: PIV.,JSC

Trụ sở của Công ty tại số 11/18/199, đường Hồ Tùng Mậu, Tổ 3, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 173.249.420.000 đồng (Một trăm bảy mươi ba tỷ hai trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn chứng khoán Upcom với mã chứng khoán là PIV.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Tuấn Anh	Chủ tịch HĐQT
Bà Nhữ Thị Kim Thu	Thành viên
Ông Triệu Văn Hợi	Thành viên

Ban kiểm soát

Bà Từ Thị Hương	Trưởng Ban – Bổ nhiệm ngày 15/05/2019
Bà Trịnh Thị Liên	Trưởng Ban – Miễn nhiệm ngày 15/05/2019
Bà Đặng Thị Nụ	Thành viên
Bà Trương Thị Nhung	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đỗ Quang	Tổng Giám đốc – Bổ nhiệm ngày 01/07/2019
Ông Triệu Văn Hợi	Tổng Giám đốc – Miễn nhiệm ngày 01/07/2019

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty trong kỳ cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính kèm theo.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu, kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng và Thông tư số 155/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Đại diện pháp luật của Công ty,

CÔNG TY CỔ PHẦN PIV

Trương Tuấn Anh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Trụ sở chính TP. Hà Nội:
Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
T +84 (24) 3 783 2121
F +84 (24) 3 783 2122
E info@cpavietnam.vn
W www.cpavietnam.vn

Số: 383/2020/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần PIV

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần PIV

Chúng tôi kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần PIV, được lập ngày 25 tháng 03 năm 2020, từ trang 05 đến trang 22, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Trong năm, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng 2.000.000 cổ phần với trị giá 48 tỷ đồng của Công ty cổ phần Trường Lưu Thủy và chuyển nhượng số cổ phần trị giá 10,2 tỷ đồng của Công ty TNHH sản xuất kinh doanh thiết bị Toàn Phát cho các cá nhân. Chúng tôi không thu thập được bằng chứng về giá hợp lý của các giao dịch này.

Năm 2019, công ty không hoạt động kinh doanh nào khác ngoài khoản đầu tư vào Công ty cổ phần BOT Cầu Thái Hà (BOT Thái Hà) số tiền 156.601.280.000 đồng, tương đương 4.365.800 cổ phần, chiếm 90% vốn điều lệ của Công ty. Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần BOT Cầu Thái Hà thể hiện kết quả kinh doanh năm 2019 lỗ 196 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu thập được bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ra ý kiến về hiệu quả của giá trị khoản đầu tư vào BOT Cầu Thái Hà cũng như đánh giá việc suy giảm giá trị cổ phiếu trong tương lai của việc đầu tư này.

A member of MOORE Members in principal cities throughout the world

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác. Theo đó, kiểm toán viên đã từ chối đưa ra ý kiến ở các vấn đề sau:

- Công nợ người mua trả tiền trước và phải trả người bán chưa được đối chiếu. Đến thời điểm 31/12/2019, các khoản công nợ này đã tất toán.
- Khoản ủy thác đầu tư của bà Trịnh Huyền Trang và Phạm Thị Mai Hương với số tiền lần lượt là 38.000.000.000 đồng và 17.105.628.100 đồng. Các khoản ủy thác đầu tư trên đã được thu hồi hết đến thời điểm 31/12/2019 và đầu tư vào Công ty cổ phần BOT Cầu Thái Hà.

M.S.D.N: 0101917917 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI - VIỆT NAM

Phan Huy Thắng	**Nguyễn Thị Ngọc Châm**
Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Giấy chứng nhận Đăng ký	Giấy chứng nhận Đăng ký
Hành nghề Kiểm toán số: 0147-2018-137-1	Hành nghề kiểm toán: 2980-2019-137-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
A -	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**2.109.377.601**	**111.324.401.582**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**5.01**	**1.552.269.160**	**199.716.320**
1.	Tiền	111		1.552.269.160	199.716.320
II.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**376.313.535**	**110.808.331.705**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.02	2.905.670.331	16.817.835.890
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.03	748.620.535	38.677.194.129
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	5.04	27.693.000	55.903.321.100
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.05	(3.305.670.331)	(609.610.165)
5.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	19.590.751
III.	**Hàng tồn kho**	**140**		**-**	**140.877.962**
1.	Hàng tồn kho	141	5.06	-	140.877.962
IV.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**180.794.906**	**175.475.595**
1.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		180.794.906	175.475.595
B -	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**158.706.722.538**	**54.881.186.175**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**-**	**244.528.525**
1.	Phải thu dài hạn khác	216	5.04	-	244.528.525
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**2.100.684.213**	**2.935.036.111**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	5.07	2.100.684.213	2.935.036.111
	- *Nguyên giá*	*222*		*5.672.635.204*	*5.672.635.204*
	- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(3.571.950.991)*	*(2.737.599.093)*
2.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- *Nguyên giá*	*228*		*31.284.600*	*31.284.600*
	- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		*(31.284.600)*	*(31.284.600)*
I.	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**250**	**5.08**	**156.601.280.000**	**51.700.352.000**
1.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		156.601.280.000	51.700.352.000
II.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**4.758.325**	**1.269.539**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		4.758.325	1.269.539
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		**270**		**160.816.100.139**	**166.205.587.757**

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
A-	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**6.895.203.350**	**7.960.625.912**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**6.895.203.350**	**7.960.625.912**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.09	-	511.179.189
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	-	544.838.897
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	6.734.398.623	6.734.398.623
4.	Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	115.166.989	124.571.465
5.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		45.637.738	45.637.738
B-	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**153.920.896.789**	**158.244.961.845**
II.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**5.13**	**153.920.896.789**	**158.244.961.845**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		173.249.420.000	173.249.420.000
	- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*173.249.420.000*	*173.249.420.000*
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		(261.600.000)	(261.600.000)
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418		443.972.144	443.972.144
4.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		35.157.200	35.157.200
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(19.546.052.555)	(15.221.987.499)
	- *LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		*(15.221.987.499)*	*9.300.352.947*
	- *LNST chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*(4.324.065.056)*	*(24.522.340.446)*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		**440**		**160.816.100.139**	**166.205.587.757**

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Người lập	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Lê Thị Thanh Nga	Lê Thị Thanh Nga	Trương Tuấn Anh

Mẫu B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	10.012.508.803
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		-	10.012.508.803
4. Giá vốn hàng bán	11		-	8.898.852.781
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	**20**		-	1.113.656.022
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.01	71.191	12.466.218.891
7. Chi phí tài chính	22	6.02	6.690.384	5.643.890.079
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	*966.919.978*
8. Chi phí bán hàng	25		(45.396.285)	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.03	4.198.044.527	6.182.776.752
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**(4.159.267.435)**	**1.753.208.082**
11. Thu nhập khác	31		20.885	-
12. Chi phí khác	32		164.818.506	483.392.962
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	**40**	**6.04**	**(164.797.621)**	**(483.392.962)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**(4.324.065.056)**	**1.269.815.120**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	1.115.612.426
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	**60**		**(4.324.065.056)**	**154.202.694**
17. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	70		-	9

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Người lập	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Lê Thị Thanh Nga	Lê Thị Thanh Nga	Trương Tuấn Anh

Mẫu B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**			
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	13.367.326.662	42.628.811.736
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	11.077.304.849	(9.972.211.477)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(489.617.446)	(1.279.844.093)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04	-	(1.113.762.991)
5.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.468.132.475	378.190.698
6.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(9.125.213.741)	(1.627.791.595)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***18.297.932.799***	***29.013.392.278***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**			
1.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	59.894.371.900
1.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(132.746.280.000)	(26.493.000.000)
2.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	115.800.828.850	6.499.648.000
3.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	71.191	698.549
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(16.945.379.959)***	***39.901.718.449***
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**			
1.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.046.328.460	38.000.000.000
2.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.046.328.460)	(106.989.222.889)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	-	(68.989.222.889)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**1.352.552.840**	**(74.112.162)**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**199.716.320**	**273.756.371**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	72.111
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**1.552.269.160**	**199.716.320**

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Người lập	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Lê Thị Thanh Nga	Lê Thị Thanh Nga	Trương Tuấn Anh

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần PIV là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0102636059 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 01 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 25 tháng 12 năm 2018.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PIV JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt là: PIV.,JSC

Trụ sở của Công ty tại số 11/18/199, đường Hồ Tùng Mậu, Tổ 3, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 173.249.420.000 đồng (Một trăm bảy mươi ba tỷ hai trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn chứng khoán Upcom với mã chứng khoán là PIV.

Lĩnh vực hoạt động và ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Cung cấp vật liệu, thiết bị trong lĩnh vực xây dựng, thi công các công trình xây dựng, kinh doanh các thiết bị y tế; (Chính)
- Dịch vụ thẩm định giá
- Dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản trong phạm vi sau đây: môi giới, tư vấn, đấu giá, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản, đấu giá tài sản;
- Tư vấn cổ phần hóa, tái cơ cấu doanh nghiệp và mua bán sáp nhập doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)
- Tư vấn cung cấp thông tin kinh tế, thị trường (không bao gồm dịch vụ điều tra và cung cấp thông tin Nhà nước cấm);
- Tư vấn đấu thầu (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ quản trị doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế);
- Sản xuất phim quảng cáo, tiếp thị quảng cáo, quảng cáo tiếp thị đa phương tiện (truyền hình, internet, ấn phẩm báo chí, phát thanh trực tiếp, không bao gồm sản xuất phim);
- Dịch vụ tổ chức tài trợ, tổ chức sự kiện về vấn đề kinh tế, xã hội, giải trí, thể thao, truyền hình, lập và thực hiện các dự án truyền thông, dịch vụ văn hóa, giải trí (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Mua bán, lắp đặt các thiết bị phục vụ hệ thống thông tin, viễn thông truyền hình;
- Sản xuất, cung cấp, lắp đặt, kinh doanh các thiết bị, sản phẩm nội ngoại thất dùng cho tòa nhà văn phòng, chung cư, khách sạn, nhà hàng.
- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu phao, phao cứu sinh, lều, bạt, vải các loại, hàng dệt may;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, các công trình hạ tầng đô thi và các khu dân cư;
- Bán buôn tổng hợp: hóa chất, phụ gia xây dựng và vật liệu xây dựng;
- Vận tải đường bộ và vận tải đường ống;
- Dịch vụ kho bãi và các dịch vụ hỗ trợ cho vận tải;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng, vật liệu xây dựng, thang máy;
- Các ngành nghề khác theo đăng ký kinh doanh.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con, liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng không quá 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con).

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các thành viên góp vốn.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo quyết định của Hội đồng quản trị, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì

doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi tiền gửi và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.01 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt	1.518.683.552	381.088
Tiền gửi ngân hàng	33.585.608	199.335.232
Cộng	**1.552.269.160**	**199.716.320**

5.02 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty TNHH Thương mại Thảo Hiền	-	17.354.493
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	-	12.159.824.955
Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Bình Minh	1.219.220.331	1.219.220.331
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Phú Xuân	1.686.450.000	1.686.450.000
Phải thu khách hàng khác	-	1.734.986.111
Cộng	**2.905.670.331**	**16.817.835.890**

5.03 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty CP Dịch vụ Đường cao tốc Việt Nam	400.000.000	400.000.000
Bà Nguyễn Thị Lan Hương	-	14.503.000.000
Ông Ngô Tiến Cường	-	11.990.000.000
Chi nhánh Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Việt Phát tại Hải Dương	-	5.334.072.366
Công ty CP Đầu tư Thiết bị Công nghiệp Hữu Nghị	-	3.513.444.424
Công ty TNHH Lâm Nam	-	1.842.633.754
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	-	646.253.585
Công ty Cổ phần Trung Tín	233.120.535	-
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY	55.000.000	-
Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM	60.500.000	-
Các khách hàng khác	-	447.790.000
Cộng	**748.620.535**	**38.677.194.129**

5.04 Phải thu ngắn và dài hạn khác

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Phải thu khác ngắn hạn	**27.693.000**	-	**55.903.321.100**	-
Tạm ứng	-	-	770.000.000	-
Bà Trịnh Huyền Trang (i)	-	-	38.000.000.000	-
Bà Phạm Thị Mai Hương (ii)	-	-	17.105.628.100	-
Phải thu khác	27.693.000	-	27.693.000	-
Phải thu khác dài hạn	-	-	**244.528.525**	-
Ký quỹ ký cược	-	-	244.528.525	-
Cộng	**27.693.000**	-	**56.392.378.150**	-

(i) Là khoản phải thu về ủy thác đầu tư cho bà Trịnh Huyền Trang theo hợp đồng số 01/2017-UTĐT ngày 25/12/2017 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 25/06/2018.

(ii) Là khoản phải thu về ủy thác đầu tư cho bà Phạm Thị Mai Hương theo hợp đồng số 03/2017-UTĐT ngày 25/12/2017 và phụ lục hợp đồng số 03 ngày 25/06/2018.

5.05 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Bình Minh	1.219.220.331	1.219.220.331	1.219.220.331	609.610.165
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Phú Xuân	1.686.450.000	1.686.450.000	1.686.450.000	-
Công ty CP Dịch vụ Đường cao tốc Việt Nam	400.000.000	400.000.000	400.000.000	-
Cộng	**3.305.670.331**	**3.305.670.331**	**3.305.670.331**	**609.610.165**

5.06 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	-	-	79.639.318	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	61.238.644	-
Cộng	-	-	**140.877.962**	-

5.07 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị : VND

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2019	**3.636.363.636**	**1.672.363.636**	**363.907.932**	**5.672.635.204**
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2019	**3.636.363.636**	**1.672.363.636**	**363.907.932**	**5.672.635.204**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2019	**1.731.601.757**	**756.545.422**	**249.451.914**	**2.737.599.093**
Tăng trong năm	**519.480.528**	**238.909.080**	**75.962.290**	**834.351.898**
Khấu hao trong năm	519.480.528	238.909.080	75.962.290	834.351.898
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2019	**2.251.082.285**	**995.454.502**	**325.414.204**	**3.571.950.991**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2019	**1.904.761.879**	**915.818.214**	**114.456.018**	**2.935.036.111**
Tại ngày 31/12/2019	**1.385.281.351**	**676.909.134**	**38.493.728**	**2.100.684.213**

5.08 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà (1)	156.601.280.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Trường Lưu Thủy (2)	-	-	41.500.352.000	-
Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Thiết bị Toàn Phát (3)	-	-	10.200.000.000	-
Cộng	**156.601.280.000**	**-**	**51.700.352.000**	**-**

(1) Phụ lục hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 1301/2019/HĐCNCP-PIV-CN ngày 13/01/2019, sửa đổi hợp đồng số 0701/2019/HĐCNCP-PIV-CN, bà Nguyễn Thị Lan Hương chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần PIV 2.200.000 cổ phần với giá 34.000 đồng/Cổ phần, tổng giá trị cổ phần chuyển nhượng là 74.800.000.000 đồng.

Phụ lục hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 1101/2019/HĐCNCP-PIV-CN ngày 11/01/2019, sửa đổi hợp đồng số 0601/2019/HĐCNCP-PIV-CN ngày 06/01/2019 ông Ngô Tiến Cường chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần PIV 1.750.000 cổ phần với giá 34.000 đồng/cổ phần, tổng giá trị cổ phần chuyển nhượng là 59.500.000.000 đồng. Ngoài ra trong tháng 6/2019, Công ty Cổ phần PIV thực hiện mua thêm 415.800 cổ phần của Công ty BOT Cầu Thái Hà (Mã BOT) theo hình thức giao dịch khớp lệnh.

(2) Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 95/2018/NQ-HĐQT-PIV ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần PIV về thu hồi các khoản ủy thác đầu tư, thu hồi vốn đầu tư tại công ty liên kết, căn cứ theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2512/2018/PIV-NVT ngày 25/12/2018 và phụ lục hợp đồng số 3112/2018/PLHĐ/PIV-NVT giữa Công ty Cổ phần PIV và ông Nguyễn Văn Tình về việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần PIV tại Công ty Cổ phần Thương mại Trường Lưu Thủy cho ông Nguyễn Văn Tình. Theo đó Công ty Cổ phần PIV chuyển nhượng 1.729.182 cổ phần tại Công ty Cổ phần Trường Lưu Thủy với giá 24.000 đồng/cổ phần tổng giá trị chuyển nhượng 41.500.352.000 đồng cho ông Nguyễn Văn Tình. Số tiền chuyển nhượng nói trên đã được thu hồi trong tháng 01/2019.

(3) Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 22/2019/NQ-HĐQT-PIV ngày 14 tháng 06 năm 2019 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần PIV về việc thu hồi toàn bộ các khoản đầu tư trong đó có khoản góp vốn tại Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Thiết bị Toàn Phát số tiền 10.200.000.000 đồng và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 1706/2019/CNCP/PIV-TĐS ngày 17/06/2019. Theo đó, Công ty đã thực hiện việc chuyển nhượng toàn bộ khoản vốn góp nói trên cho cá nhân ông Trần Đình Sang. Toàn bộ số tiền chuyển nhượng nói trên đã thu hồi trong tháng 6/2019 và được đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà.

5.08 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản đầu tư tại ngày 31/12/2019

	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Số lượng Cổ phần
Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà	10.91%	10.91%	4.365.800

5.09 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ số 9	-	-	231.872.400	231.872.400
Các khách hàng khác	-	-	279.306.789	279.306.789
Cộng	**-**	**-**	**511.179.189**	**511.179.189**

5.10 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Vui chơi Giải trí Thể thao Hà Nội	-	150.000.000
Khách hàng khác	-	394.838.897
Cộng	**-**	**544.838.897**

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2019 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2019 VND
Phải nộp	**6.734.398.623**	**-**	**-**	**6.734.398.623**
Thuế GTGT	904.229.290	-	-	904.229.290
Thuế TNDN	4.814.547.979	-	-	4.814.547.979
Thuế TNCN	48.446.202	-	-	48.446.202
Các loại thuế khác	879.359.272	3.000.000	3.000.000	879.359.272
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	87.815.880	-	-	87.815.880

5.12 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Kinh phí công đoàn	42.090.810	42.090.810
Bảo hiểm xã hội	28.512.825	40.147.087
Bảo hiểm y tế	5.031.675	6.788.408
Bảo hiểm thất nghiệp	2.236.300	444.683
Phải trả, phải nộp khác	37.295.379	35.100.477
Cộng	**115.166.989**	**124.571.465**

5.13 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động Vốn chủ sở hữu

Đơn vị: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư 01/01/2018	**173.249.420.000**	**(261.600.000)**	**443.972.144**	**35.157.200**	**9.300.352.947**	**182.767.302.291**
Tăng trong năm					**(24.522.340.446)**	**(24.522.340.446)**
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	(24.522.340.446)	(24.522.340.446)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	**173.249.420.000**	**(261.600.000)**	**443.972.144**	**35.157.200**	**(15.221.987.499)**	**158.244.961.845**
Số dư tại 01/01/2019	**173.249.420.000**	**(261.600.000)**	**443.972.144**	**35.157.200**	**(15.221.987.499)**	**158.244.961.845**
Tăng trong năm	-	-	-	-	**(4.324.065.056)**	**(4.324.065.056)**
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	(4.324.065.056)	(4.324.065.056)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	**173.249.420.000**	**(261.600.000)**	**443.972.144**	**35.157.200**	**(19.546.052.555)**	**153.920.896.789**

5.13 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	31/12/2019 Cổ phần	Tỷ lệ (%)	01/01/2019 Cổ phần	Tỷ lệ (%)
America LLC	1.485.800	8,58%	1.596.900	9,22%
Bà Hoàng Thị Hoài	1.638.500	9,46%	1.638.500	9,46%
Các cổ đông khác	14.200.642	82,96%	14.089.542	81,32%
Cộng	**17.324.942**	**100%**	**17.324.942**	**100%**

c. Các giao dịch về Vốn chủ sở hữu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	173.249.420.000	173.249.420.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	173.249.420.000	173.249.420.000
Chia cổ tức, phân phối lợi nhuận, trích quỹ	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**17.324.942**	**17.324.942**
Cổ phiếu phổ thông	17.324.942	17.324.942
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**17.324.942**	**17.324.942**
Cổ phiếu phổ thông	17.324.942	17.324.942
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

6.01 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi	71.191	627.967
Lãi tiền hàng do khách hàng trả chậm	-	7.854.687.423
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	4.610.903.501
Cộng	**71.191**	**12.466.218.891**

6.02 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí lãi vay	-	966.919.978
Chi phí mua cổ phần BOT	6.690.384	-
Lãi mua hàng trả chậm	-	2.987.379.068
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	1.689.591.033
Cộng	**6.690.384**	**5.643.890.079**

6.03 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	563.492.172	803.329.967
Chi phí khấu hao TSCĐ	834.351.898	422.344.896
Thuế, phí, lệ phí	14.554.901	8.359.033
Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.973.826	1.463.217.585
Chi phí khác bằng tiền	3.719.400	39.866.027
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	2.692.952.330	3.445.659.244
Cộng	**4.198.044.527**	**6.182.776.752**

6.04 Lợi nhuận khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập khác	**20.885**	-
Thu nhập khác	20.885	-
Chi phí khác	**164.818.506**	**483.392.962**
Chi phí khác	164.818.506	483.392.962
Lợi nhuận khác	**(164.797.621)**	**(483.392.962)**

7. THÔNG TIN KHÁC

7.01. Giao dịch với các bên liên quan

a) Giao dịch mua cổ phần Công ty BOT Cầu Thái Hà

	Mối quan hệ	Năm 2019 VND
Ông Ngô Tiến Cường chuyển nhượng	Anh trai Ông Ngô Tiến Cương, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà	59.500.000.000

b) Số dư cuối năm

	Mối quan hệ	31/12/2019 VND
Đầu tư Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà	Ảnh hưởng đáng kể	156.601.280.000

7.02. Thông tin về hoạt động liên tục

Năm 2019, công ty không hoạt động kinh doanh nào khác ngoài khoản đầu tư vào Công ty cổ phần BOT Cầu Thái Hà (BOT Thái Hà). Mặc dù Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần BOT Cầu Thái Hà thể hiện kết quả kinh doanh năm 2019 bị lỗ (lỗ theo kế hoạch) nhưng tại thời điểm 31/12/2019 giá giao dịch bình quân của mã BOT trên sàn Upcom là 55.920 đồng/cổ phiếu. Do đó Ban Giám đốc công ty tin tưởng rằng công vẫn hoạt động bình thường trong các năm tới và lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

7.03 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 do Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán UHY thực hiện.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Người lập	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Lê Thị Thanh Nga	Lê Thị Thanh Nga	Trương Tuấn Anh